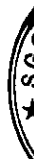


QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Quỹ	1
Báo cáo của Công ty quản lý Quỹ	2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Báo cáo thu nhập (Mẫu B01 - QM)	6
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu B02 - QM)	7
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ (Mẫu B03 - QM)	8
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu B04 - QM)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B05 - QM)	10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B06 - QM)	11 - 32

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

THÔNG TIN VỀ QUỸ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng

56/GCN-UBCK cấp ngày 12 tháng 12 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đầu tư đại chúng dạng Quỹ mở

02/GCN-UBCK cấp ngày 1 tháng 4 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định

Ban Đại diện Quỹ

Ông Lương Quang Hiến Chủ tịch
Ông Alan Thien Pham Thành viên
Ông Subastian Subba Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Vinawealth

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Tầng 17, tòa nhà Sun Wah, số 115 Nguyễn Huệ,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PriceWaterHouseCoopers Việt Nam

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

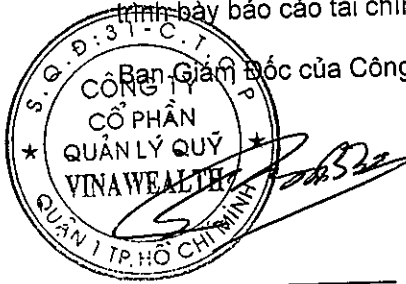
Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ và thay đổi giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi cơ sở này không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 3 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ

Subastian Subba
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Lương Quang Hiển
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh ("Quỹ") được lập vào ngày 17 tháng 3 năm 2014 và được phê duyệt vào ngày 17 tháng 3 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo thu nhập và lưu chuyển tiền tệ và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 11 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo thu nhập và lưu chuyển tiền tệ và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Họ tên: Ian S. Lydall
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0559-2013-006-1
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM3932
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Họ tên: Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2013-006-1

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B01 - QM

**BÁO CÁO THU NHẬP
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1.4.2013 đến 31.12.2013 Đồng
I THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		3.374.825.661
1.1 Tiền lãi được nhận		1.335.511.288
1.2 Lãi bán các khoản đầu tư	14	1.198.000.000
1.3 Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư	15	838.005.479
1.4 Doanh thu khác về đầu tư	16	3.308.894
II CHI PHÍ ĐẦU TƯ		20.407.900
2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	17	20.407.900
III CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ		1.021.786.464
3.1 Phí quản lý Quỹ	22(a)	350.988.061
3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	22(b)	162.338.666
3.3 Phí dịch vụ giám sát	22(b)	59.400.002
3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ	22(b)	99.000.000
3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	22(b)	183.362.218
3.6 Chi phí họp, đại hội nhà đầu tư		23.032.110
3.7 Chi phí kiểm toán		80.996.300
3.8 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ	18	58.241.758
3.9 Chi phí hoạt động khác	19	4.427.349
IV KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		2.332.631.297
V TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		2.332.631.297
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.494.625.818
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		838.005.479
VI LỢI NHUẬN THUẦN TRONG KỲ	13	2.332.631.297

Ngân hàng Giám sát



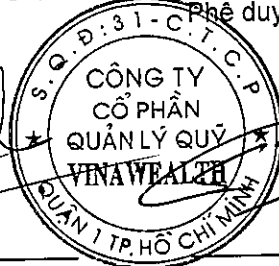
Vinith Rao

Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán
Ngân hàng Thương mại thành viên HSBC (Việt Nam)
HSBC (Việt Nam)
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

Phê duyệt bởi:



Kế toán trưởng
Nguyễn Ngọc Linh Phương

Tổng Giám đốc
Subastian Subba

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B02 - QM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2013 Đồng
I TÀI SẢN		
1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	5	10.081.720.151
1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		81.720.151
1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng		10.000.000.000
2 Các khoản đầu tư thuần	6	40.811.205.479
2.1 Các khoản đầu tư		40.811.205.479
3 Các khoản phải thu		31.111.111
3.1 Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng chưa đến ngày nhận	7	31.111.111
TỔNG TÀI SẢN		50.924.036.741
II NỢ PHẢI TRẢ		
4 Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân Sách Nhà nước	8	25.842.458
5 Chi phí phải trả	9	124.028.410
6 Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	10	2.076.200
7 Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	11	97.154.160
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		249.101.228
III GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ		50.674.935.513
1 Vốn góp của Nhà đầu tư	12	48.396.108.400
1.1 Vốn góp phát hành		73.734.155.500
1.2 Vốn góp mua lại		(25.338.047.100)
2 Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(53.804.184)
3 Lợi nhuận chưa phân phối		2.332.631.297
IV GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.471
V CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
1 Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	12	4.839.610,84

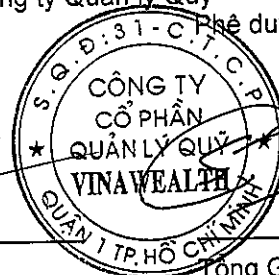


Vinith Rao

Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
HSBC (Việt Nam)
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Lập bởi: Công ty Quản lý Quỹ
Phê duyệt bởi:

(Handwritten signature)



Kế toán trưởng
Nguyễn Ngọc Linh Phương

(Handwritten signature)

Tổng Giám đốc
Subastian Subba

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B03 - QM

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG ("GTTSR"), GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ)
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng

I	GTTSR đầu kỳ (Tại đầu ngày 1 tháng 4 năm 2013)	53.810.960.100
II	Thay đổi trong GTTSR của Quỹ trong kỳ	2.332.631.297
II.1	Trong đó: Thay đổi của GTTSR của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động đầu tư của Quỹ	2.332.631.297
III	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ	(5.468.655.884)
III.1	Trong đó: Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ	20.373.806.762
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ	(25.842.462.646)
IV	GTTSR cuối kỳ	<u>50.674.935.513</u>

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi:



Vinith Rao
Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
HSBC (Việt Nam)
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Lập bởi:

Công ty Quản lý Quỹ

Phê duyệt bởi:

(Handwritten signature)
Kế toán trưởng
Nguyễn Ngọc Linh Phương

(Handwritten signature)
Giám đốc
Subastian Subba

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B04 - QM

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

STT	Chi tiết	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2013 Đồng	Tổng giá trị	Tỷ lệ (%) /
				tại ngày 31.12.2013 Đồng	Tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	Trái phiếu				
	Trái phiếu chính phủ (TD1315009)	400.000	102.028	40.811.205.479	80,14%
	Tổng			40.811.205.479	80,14%
II	Các tài sản khác				
	Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng			31.111.111	0,06%
	Tổng			31.111.111	0,06%
III	Tiền và các khoản tương đương tiền				
	Tiền gửi không kỳ hạn			81.720.151	0,16%
	Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng			10.000.000.000	19,64%
	Tổng			10.081.720.151	19,80%
VI	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			50.924.036.741	100,00%

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi:



Vinith Rao

Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

Phê duyệt bởi:

Kế toán trưởng
Nguyễn Ngọc Linh Phương

Tổng Giám đốc
Subastian Subba

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Giai đoạn từ
ngày 1.4.2013 đến
ngày 31.12.2013
Đồng

I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	
1	Tiền đã chi mua các khoản đầu tư	(90.814.700.000)
2	Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư	52.039.500.000
3	Tiền lãi đã thu	1.304.400.177
4	Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ	(800.603.894)
5	Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)	(20.407.900)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(38.291.811.617)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	
1	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ	20.527.765.000
2	Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ mở	(25.620.725.484)
3	Tiền chi thanh toán phí phát hành, phí mua lại, thuế liên quan đến giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ	(613.523.248)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(5.706.483.732)
III	Giảm tiền thuần trong kỳ	(43.998.295.349)
IV	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ (từ phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu)	
	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ (*)	54.080.015.500
V	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	
	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	10.081.720.151
VI	Biến động tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	(43.998.295.349)

(*) Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ bao gồm tiền thu được từ phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 53.810.960.100 đồng và phí phát hành tương ứng thu từ nhà đầu tư là 269.055.400 đồng.



Vinith Rao

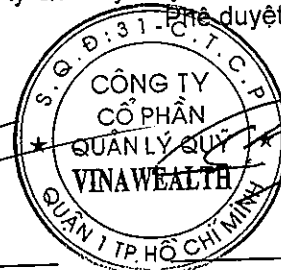
Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán
Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn HSBC (Việt Nam)
HSBC (Việt Nam)
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

(Handwritten signature)

Kế toán trưởng
Nguyễn Ngọc Linh Phương



Phê duyệt bởi:

(Handwritten signature)

Tổng Giám đốc
Subastian Subba

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Quỹ Đầu tư trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư ra công chúng số 56/GCN-UBCK ngày 12 tháng 12 năm 2012 và giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 02/GCN-UBCK ngày 1 tháng 4 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Quỹ có vốn Điều Lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 53.810.960.100VND (tương đương với 5.381.096,01 chứng chỉ Quỹ) và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành vào tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký là Tầng 17, tòa nhà Sunwah, số 115, đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là đầu tư vào danh mục trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định và thả nổi (phát hành bởi chính phủ), thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp và chứng từ có giá.

Hạn chế đầu tư của Quỹ theo quy định trong Điều lệ Quỹ

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ theo các quy định sau:

- a) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm ít nhất tám mươi phần trăm (80%) trái phiếu và giấy tờ có giá, đồng thời phải đảm bảo:
- b) Không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định có liên quan;
- d) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- e) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (TIẾP THEO)

Hạn chế đầu tư của Quỹ theo quy định trong Điều lệ Quỹ (tiếp theo)

- g) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- i) Không được đầu tư vào các Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ trường hợp quy định tại điểm h,i,j, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể;
- g) Tài sản của Quỹ chuyển đổi như trái phiếu chuyển đổi chuyển thành cổ phiếu theo điều khoản chuyển đổi và/hoặc các khoản đáo hạn của chứng khoán theo quyết định của tổ chức phát hành.

Quỹ được định giá hàng tuần và hàng tháng. Ngày định giá là ngày thứ Ba hàng tuần đối với kỳ định giá tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với kỳ định giá tháng. Quỹ thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ vào ngày thứ Ba hàng tuần.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ do Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty Quản lý Quỹ"), một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, quản lý, và Quỹ được giám sát bởi Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng Giám sát").

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 là ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn việc thành lập và quản lý Quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

- Báo cáo thu nhập
- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ
- Báo cáo danh mục đầu tư
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

Mẫu số B01 - QM
Mẫu số B02 - QM
Mẫu số B03 - QM
Mẫu số B04 - QM
Mẫu số B05 - QM
Mẫu số B06 - QM

Hình thức kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kì hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng.

4.2 Đầu tư chứng khoán

(a) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận đồng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán. Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan kể cả phí môi giới, và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn việc thành lập và quản lý Quỹ mở và đã được ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

Việc đánh giá lại các chứng khoán được thực hiện như sau:

(i) Trái phiếu niêm yết

Giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, thì giá của trái phiếu đó sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:

- giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc
- mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- giá xác định theo phương pháp đã được ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)

(ii) *Trái phiếu không niêm yết*

Giá của trái phiếu không niêm yết sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:

- giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
- giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc
- mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trong trường hợp các trái phiếu được mua nhiều hơn một lần với các mức giá khác nhau, phương pháp giá bình quân gia quyền sẽ được áp dụng để xác định giá (trong trường hợp giá bình quân gia quyền không bằng mệnh giá, giá của trái phiếu này sẽ được xác định bằng với giá trị phân bổ cộng với lãi lũy kế từ ngày phát hành và/hoặc ngày trả lãi gần nhất đến ngày trước ngày định giá). Nếu không thì giá trị của trái phiếu sẽ bằng mệnh giá.

(iii) *Cổ phiếu niêm yết*

Cổ phiếu niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu đó trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và sàn UpCom ("các Sở Giao dịch Chứng khoán") vào ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có giao dịch trong vòng hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo các mức giá sau:

- giá trị sổ sách; hoặc
- giá mua; hoặc
- giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(iv) *Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch*

Là giá trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là bên liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức thì giá của cổ phiếu đó sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- giá trung bình từ hai (2) tổ chức trong ba (3) tổ chức báo giá; hoặc
- giá của kỳ báo cáo gần nhất của hai (2) tổ chức báo giá nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc
- giá trị sổ sách; hoặc
- giá mua; hoặc
- giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(v) *Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch*

Ưu tiên thực hiện theo các mức giá sau:

- giá trị sổ sách; hoặc
- mệnh giá; hoặc
- giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

(c) Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)

(vi) *Cổ phiếu của các tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*

Ưu tiên thực hiện theo các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(vii) *Cổ phần, phần vốn góp khác*

Ưu tiên thực hiện theo các mức giá sau:

- giá trị sổ sách; hoặc
- giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(viii) *Các loại tài sản khác được phép đầu tư*

Giá được xác định theo phương pháp được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

- các khoản lãi được lũy kế: tiền lãi được tính từ ngày thanh toán lãi gần đây nhất cho đến ngày trước ngày định giá;
- giá trị sổ sách của một số cổ phần được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc xem xét lại gần đây nhất.
- tổ chức thẩm định giá (Reuters /Bloomberg/ VNBF...) được lựa chọn đối với các trái phiếu giá niêm yết để tham khảo;
- Ngày có nghĩa là một ngày làm việc trong phần này của Phụ lục này

(ix) *Quyền mua chứng khoán*

Quyền mua cổ phiếu được ghi nhận là khoản đầu tư với giá mua ban đầu bằng không (0).

Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại vào ngày lập bảng cân đối kế toán theo giá thị trường của cổ phiếu đó sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu đó.

(x) *Cổ phiếu thường và cổ tức bằng cổ phiếu*

Cổ phiếu thường và cổ tức bằng cổ phiếu được ghi nhận là khoản đầu tư với giá mua ban đầu bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức từ các công ty mà Quỹ đầu tư vào, lãi trái phiếu phải thu từ các nhà phát hành trái phiếu, lãi ngân hàng phải thu và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Công ty Quản lý Quỹ tại thời điểm cuối năm.

4.4 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả cho hoạt động đầu tư và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

4.5 Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.6 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch với Quỹ như sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 và Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Công văn 12501/BTC-CST ngày 20/09/2010 do Bộ Tài chính ban hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.7 Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn phát sinh khi Quý phát hành/mua lại Chứng chỉ Quý, thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo GTTSR trên một Chứng chỉ Quý và mệnh giá của Chứng chỉ Quý. Giá bán/ giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ giá phát hành tại các kỳ giao dịch bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ cộng với phí phát hành. Giá mua lại là mức giá mà công ty quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại. Phí phát hành, mua lại do Công ty Quản lý Quỹ quy định và công bố tại Bản cáo bạch.

4.8 Chứng chỉ Quý và GTTSR có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quý mở

Chứng chỉ Quý có thể được nhà đầu tư bán lại cho Quý tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quý để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên GTTSR có thể phân phối cho nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ Quý.

Quý phát hành và mua lại chứng chỉ Quý tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên GTTSR trên một chứng chỉ Quý. GTTSR trên một chứng chỉ Quý được tính bằng cách chia GTTSR của Quý cho tổng số chứng chỉ Quý đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ Quý phát hành cho nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ Quý đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quý và có quyền được hưởng cổ tức mà Quý công bố vào từng thời điểm.

GTTSR có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quý mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối và vốn góp của Quý. Trong đó, vốn góp của Quý bao gồm vốn góp phát hành trừ đi vốn góp mua lại tính theo GTTSR của một đơn vị Quỹ trước ngày giao dịch.

4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Lãi tiền gửi ngân hàng

Thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Lãi từ trái phiếu

Thu nhập lãi từ trái phiếu kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận trái tức được thiết lập.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết), thể hiện rằng Quý đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

4. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.10 Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích.

4.11 Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, thành viên Ban đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tại ngày 31.12.2013

Đồng

Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ

81.720.151

Tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (3) tháng

10.000.000.000

10.081.720.151

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013****6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chỉ bao gồm đầu tư chứng khoán.
Tình hình biến động giá trị thị trường của các khoản đầu tư của Quỹ như sau:

	Giá mua Đồng	Chênh lệch tăng Đồng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2013 Đồng
Trái phiếu niêm yết	39.973.200.000	838.005.479	40.811.205.479

Giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của trái phiếu được xác định dựa trên giá yết của trái phiếu này trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày có giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế và không quá hai (2) tuần trước ngày định giá.

7. DỰ THU TIỀN LÃI NGÂN HÀNG

	Tại ngày 31.12.2013 Đồng
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	31.111.111

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 31.12.2013 Đồng
Thuế Thu nhập cá nhân khấu trừ từ giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ	25.842.458

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 31.12.2013 Đồng
Phải trả phí kiểm toán	80.996.300
Phải trả phí họp đại hội	23.032.110
Phải trả thù lao ban đại diện Quỹ	20.000.000
	<u>124.028.410</u>

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

**Tại ngày 31.12.2013
Đồng**

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa đến
hạn thanh toán

2.076.200

Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải thanh toán cho nhà đầu tư đã đăng ký bán chứng chỉ Quỹ hợp lệ và có thời hạn thanh toán là không quá bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

**Tại ngày 31.12.2013
Đồng**

Phải trả phí quản lý

42.794.846

Phải trả phí lưu ký

17.999.999

Phải trả phí giám sát

6.600.002

Phải trả phí quản trị

11.000.000

Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

18.759.313

97.154.160

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

12. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 02/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 53.810.960.100 đồng tương ứng với 5.381.096.01 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 đồng trên một chứng chỉ Quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ Quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Vốn góp phát hành				Vốn góp mua lại				NAV hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ	NAV hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ
	Số lượng	NAV bình quân	Giá trị ghi theo mệnh giá	Thặng dư vốn	Tổng giá trị phát hành	Tổng giá trị mua lại	Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư	Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành		
IPO (Phát hành lần đầu)	5.381.096,01	10.000	53.810.960.100	-	53.810.960.100	-	-	5.381.096,01	53.810.960.100	10.000
Phát sinh trong kỳ	1.992.319,54	10.226	19.923.195.400	450.611.362	20.373.806.762	(2.533.804,71)	(504.415.546)	-	-	-
Tại ngày 31.12.2013	7.373.415,55	10.061	73.734.155.500	450.611.362	74.184.766.862	(2.533.804,71)	(504.415.546)	4.839.610,84	48.342.304.216	10.471

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

13. LÃI LŨY KẾ

**Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng**

Lãi thuần trong kỳ	2.332.631.297
Trong đó:	
<i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối</i>	1.494.625.818
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	838.005.479
Lãi lũy kế cuối kỳ	<u>2.332.631.297</u>

14. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Danh mục các khoản đầu tư đã bán trong năm 2013	Giá bán Đồng	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch Đồng	Lãi bán chứng khoán trong kỳ Đồng
Trái phiếu niêm yết	<u>52.039.500.000</u>	<u>50.841.500.000</u>	<u>1.198.000.000</u>

15. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua Đồng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2013 Đồng	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31.12.2013 Đồng
Trái phiếu niêm yết	<u>39.973.200.000</u>	<u>40.811.205.479</u>	<u>838.005.479</u>

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013****16. DOANH THU KHÁC****Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng**Phí mua lại chứng chỉ Quỹ 3.308.894

Doanh thu khác thể hiện khoản phí mua lại do Nhà đầu tư chi trả khi yêu cầu Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ phân phối bởi các đại lý ngoài Công ty Quản lý Quỹ. Theo quy định tại điều lệ Quỹ, toàn bộ phí phát hành (ngoại trừ phí phát hành lần đầu) thu được sau khi thanh toán chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối và đại lý ký danh căn cứ trên hợp đồng phân phối sẽ được chuyển vào tài khoản của Quỹ và là doanh thu của Quỹ (ngoại trừ trường hợp chứng chỉ Quỹ được phân phối bởi công ty Quản lý Quỹ thì toàn bộ phí phát hành và/ hoặc phí mua lại Chứng chỉ Quỹ sẽ được chuyển cho công ty Quản lý Quỹ).

17. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng**Mua trái phiếu niêm yết 10.000.000
Bán trái phiếu niêm yết 10.407.900
20.407.900

Trong kỳ, giao dịch mua bán chứng khoán của Quỹ được thực hiện thông qua Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Quỹ thực hiện tất cả các giao dịch qua công ty chứng khoán này với tổng giá trị giao dịch là 142.854.200.000 đồng. Phí giao dịch bình quân trả cho công ty này trong năm là 0,014%. Phí giao dịch bình quân trên thị trường là 0,02%.

18. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng**Thù lao Ban Đại Diện Quỹ 58.241.758**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC****Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng**Phí ngân hàng 4.427.349

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

20. THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG ("GTTSR")

STT	Kỳ tính GTTSR	Năm 2013			
		GTTSR	Số lượng CCQ	GTTSR/1CCQ	Tăng/Giảm
		Đồng		tại ngày tính GTTSR	GTTSR/1CCQ
		Đồng	Đồng/CCQ	Đồng/CCQ	Đồng/CCQ
	Đầu kỳ (Đầu ngày 01.04.2013)	53.810.960.100	5.381.096,01	10.000	-
1	08.04.2013	53.833.969.907	5.381.096,01	10.004	4
2	15.04.2013	53.825.089.616	5.381.096,01	10.003	(1)
3	22.04.2013	53.813.205.447	5.381.096,01	10.000	(3)
4	29.04.2013	54.306.219.209	5.431.293,17	9.999	(1)
5	30.04.2013	54.304.344.915	5.431.293,17	9.998	(1)
6	06.05.2013	54.294.115.193	5.431.293,17	9.997	(1)
7	13.05.2013	54.279.685.415	5.431.293,17	9.994	(3)
8	20.05.2013	54.457.754.544	5.431.293,17	10.027	33
9	27.05.2013	54.542.947.182	5.431.293,17	10.042	15
10	31.05.2013	55.372.723.855	5.431.293,17	10.195	153
11	03.06.2013	55.382.881.870	5.431.293,17	10.197	2
12	10.06.2013	30.495.453.454	2.991.440,17	10.194	(3)
13	17.06.2013	30.468.087.144	2.987.740,17	10.198	4
14	24.06.2013	30.448.291.157	2.984.140,17	10.203	5
15	30.06.2013	30.456.982.007	2.984.140,17	10.206	3
16	01.07.2013	30.459.137.135	2.984.140,17	10.207	1
17	08.07.2013	30.368.888.788	2.974.188,46	10.211	4
18	15.07.2013	30.319.924.273	2.967.388,46	10.218	7
19	22.07.2013	30.324.837.677	2.966.488,46	10.222	4
20	29.07.2013	30.328.593.131	2.965.488,46	10.227	5
21	31.07.2013	30.332.492.821	2.965.488,46	10.228	1
22	05.08.2013	30.342.418.206	2.965.488,46	10.232	4
23	12.08.2013	50.203.843.845	4.905.174,63	10.235	3
24	19.08.2013	50.248.315.615	4.906.044,34	10.242	7
25	26.08.2013	50.275.989.175	4.905.138,14	10.250	8
26	31.08.2013	50.302.322.312	4.905.138,14	10.255	5
27	02.09.2013	50.312.737.009	4.905.138,14	10.257	2
28	09.09.2013	49.829.698.257	4.855.138,14	10.263	6
29	16.09.2013	49.860.214.521	4.855.038,14	10.270	7
30	23.09.2013	49.860.066.364	4.854.324,70	10.275	5
31	30.09.2013	49.908.543.288	4.854.324,70	10.281	6
32	07.10.2013	49.941.384.422	4.854.710,84	10.287	6
33	14.10.2013	49.969.272.633	4.854.610,84	10.293	6
34	21.10.2013	49.998.193.629	4.854.610,84	10.299	6
35	28.10.2013	50.024.054.667	4.854.610,84	10.304	5
36	31.10.2013	50.034.746.891	4.854.610,84	10.307	3
37	04.11.2013	50.049.003.115	4.854.610,84	10.310	3
38	11.11.2013	50.041.660.734	4.852.310,84	10.313	3
39	18.11.2013	50.056.858.688	4.852.310,84	10.316	3
40	25.11.2013	49.995.557.523	4.842.010,84	10.325	9
41	30.11.2013	50.074.644.227	4.842.010,84	10.342	17
42	02.12.2013	50.073.371.445	4.842.010,84	10.341	(1)
43	09.12.2013	50.143.946.983	4.839.910,84	10.361	20
44	16.12.2013	50.106.051.014	4.839.910,84	10.353	(8)
45	23.12.2013	50.587.858.296	4.839.810,84	10.452	99
46	30.12.2013	50.671.825.923	4.839.810,84	10.470	18
47	31.12.2013	50.674.935.513	4.839.610,84	10.471	1
GTTSR bình quân năm		46.511.130.618			
Biến động GTTSR trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ					
Mức Cao Nhất				10.471	
Mức Thấp Nhất				9.994	

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013****21. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**Tại ngày 31.12.2013
Đồng

Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ không quá một năm

4.839.610,84

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**(a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty Quản lý Quỹ")**Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng

Phí quản lý Quỹ

350.988.061

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 1% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong năm dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo.

(b) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng Giám sát")Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013
Đồng

Phí dịch vụ lưu ký tài sản	162.338.666
Phí dịch vụ giám sát	59.400.002
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	183.362.218
	<u>504.100.886</u>

Ngân hàng Giám sát đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Theo điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản, phí quản trị Quỹ và phí đại lý chuyển nhượng hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên GTTSR tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng và không nhỏ hơn mức phí tối thiểu, cụ thể như sau:

- Phí lưu ký, giám sát là 0,08% giá trị tài sản ròng/năm. Trong đó, phí lưu ký là 0,06% giá trị tài sản ròng/năm và phí giám sát là 0,02% giá trị tài sản ròng/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký là 150.000 đồng/một giao dịch.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng Giám sát")

- Phí lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("TTLKCK") là phí do Ngân hàng Giám sát thu hàng tháng theo biểu phí của TTLKCK sau đó thanh toán lại cho TTLKCK.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,035% giá trị tài sản ròng/năm .
- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm hai nhóm phí như sau:
 - i) Nhóm phí tính trên GTTSR hoặc giá trị giao dịch gồm:
 - Phí duy trì nhà đầu tư hàng năm là 0,05% giá trị tài sản ròng/năm.
 - Phí đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi là 0,03% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi.
 - ii) Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:
 - Phí thiết lập dữ liệu nhà đầu tư gồm tạo dữ liệu nhà đầu tư là 15.000 đồng mỗi nhà đầu tư và tạo dữ liệu đại lý phân phối là 1.000.000 đồng mỗi đại lý
 - Các chi phí khác như phí gửi thư số lượng lớn, chi phí trả cổ tức, chi phí tính toán và chi trả phí hoa hồng và phí thưởng đại lý...

Tổng mức phí tối thiểu cho các dịch vụ lưu ký, giám sát, dịch vụ quản trị Quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng một tháng.

Thu nhập lãi tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát trong năm 2013 là 194.953.428 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư tiền gửi của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát là 81.720.151 đồng.

(c) Ban Đại diện Quỹ

Trong kỳ, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ là 58.241.758 đồng. Ngoài tiền thù lao theo quy định tại điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

(d) Số lượng chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ:

Bên liên quan

Tỷ lệ nắm giữ

Công ty Quản lý Quỹ Vina Wealth

Ông Hồ An T

Ông Phạm Phú Trường

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

Phó chủ tịch Hội Đồng Quản trị

1,03%

2,02%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

23. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

**Giai đoạn từ 1.4.2013
đến 31.12.2013**

I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
1	Tỷ suất lợi nhuận bình quân trong kỳ	5,02%
2	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ trên GTTSR trung bình trong kỳ	1,00%
3	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên GTTSR trung bình trong kỳ	0,63%
4	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị Quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên GTTSR của Quỹ trung bình trong kỳ	0,81%
5	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên GTTSR trung bình trong kỳ	0,23%
6	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ trên GTTSR trung bình trong kỳ	0,17%
7	Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ	2,97%
8	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	2,04%
II Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)	
	Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu kỳ	53.810.960.100
	Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu kỳ	5.381.096,01
2	Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)	
	Số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	1.992.319,54
	Giá trị vốn huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	19.923.195.400
	Số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	(2.533.804,71)
	Giá trị vốn phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(25.338.047.100)
3	Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)	
	Tổng giá trị chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối kỳ	48.396.108.400
	Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối kỳ	4.839.610,84
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của công ty quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ	3,05%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	99,70%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	52,50%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào Quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	163
8	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ cuối kỳ	10.471

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

24. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VAY, GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI CỦA QUỸ

Quỹ không có giao dịch vay và mua bán lại trong kỳ.

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quý có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quý sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm trái phiếu niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quý được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Trái phiếu do Quý đầu tư là trái phiếu chính phủ, trái phiếu do chính phủ bảo lãnh. Do đó, Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành trái phiếu.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do tính chất ngắn hạn của các khoản này.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là đảm bảo Quý luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu là trái phiếu niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư của Quý vào trái phiếu niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quý có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quý thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm Đồng	Từ 1 đến 2 năm Đồng	Từ 2 đến 5 năm Đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.842.458	-	-
Chi phí phải trả	124.028.410	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	2.076.200	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	97.154.160	-	-
	<u>249.101.228</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quý nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quý đều có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013****25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(d) Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Giá trị ghi sổ Đồng	Giá trị hợp lý Đồng
Tài sản		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh		
- Trái phiếu niêm yết	40.811.205.479	40.811.205.479
Các khoản phải thu khác		
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	31.111.111	31.111.111
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.081.720.151	10.081.720.151
Tổng cộng	50.924.036.741	50.924.036.741
Nợ phải trả		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.842.458	25.842.458
Chi phí phải trả	124.028.410	124.028.410
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	2.076.200	2.076.200
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	97.154.160	97.154.160
Tổng cộng	249.101.228	249.101.228

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị của khoản tiền gửi tại ngày trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết là giá yết trên sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU BẢO THỊNH VINAWEALTH

Mẫu B06 - QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 2013
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

26. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 1 tháng 4 năm 2013 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 được phê chuẩn bởi Công ty Quản lý Quỹ và được xác nhận bởi Ngân hàng Giám sát ngày 17 tháng 3 năm 2014.

Ngân hàng Giám sát
Xác nhận bởi:



Vinith Rao

Giám đốc Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán

Ngân hàng Giám sát và thành viên HĐQT (Việt Nam)
HSBC (Việt Nam)

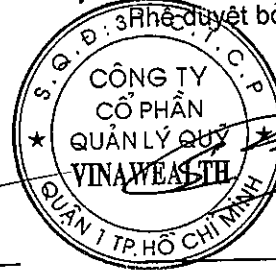
Công ty Quản lý Quỹ

Lập bởi:

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Linh Phương

Phê duyệt bởi:



Tổng Giám đốc

Subastian Subba

